

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**  
==== o0o =====

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**QUÝ I NĂM 2016**

- Bảng cân đối kế toán
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm,  
Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

---

## NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	02-03
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	04
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	5-6
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	7-36

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại Ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>355.162.760.854</b>	<b>296.692.530.064</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>39.938.637.989</b>	<b>35.828.981.888</b>
111	1. Tiền		25.838.637.989	25.828.981.888
112	2. Các khoản tương đương tiền		14.100.000.000	10.000.000.000
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>58.100.000.000</b>	<b>71.600.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		58.100.000.000	71.600.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>118.179.658.315</b>	<b>112.910.163.918</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	106.787.022.588	96.041.797.084
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		9.154.582.732	6.672.131.283
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	10.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	3.343.033.670	1.301.216.226
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.104.980.675)	(1.104.980.675)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>133.685.716.772</b>	<b>75.544.058.741</b>
141	1. Hàng tồn kho		133.685.716.772	75.544.058.741
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>5.258.747.778</b>	<b>809.325.517</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	142.303.847	258.741.651
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		5.092.406.643	550.583.866
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	24.037.288	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>378.617.068.249</b>	<b>362.201.775.430</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>81.809.356.450</b>	<b>72.725.483.536</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	81.532.791.997	72.687.150.195
222	- Nguyên giá		172.279.449.095	161.638.489.335
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(90.746.657.098)	(88.951.339.140)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	276.564.453	38.333.341
228	- Nguyên giá		319.481.111	75.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(42.916.658)	(36.666.659)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>9</b>	<b>1.070.177.497</b>	<b>5.741.224.482</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.070.177.497	5.741.224.482
250	<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>291.767.494.760</b>	<b>279.666.121.847</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		291.767.494.760	279.666.121.847
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.970.039.542</b>	<b>4.068.945.565</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	3.903.055.127	4.010.736.392
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	.a	66.984.415	58.209.173
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>733.779.829.103</b>	<b>658.894.305.494</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

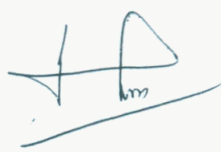
Quý I năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại Ngày 31 tháng 03 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>210.114.520.230</b>	<b>123.195.326.456</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>204.645.155.367</b>	<b>117.181.742.852</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	90.763.154.791	36.078.733.712
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		6.133.798.820	2.903.087.900
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.854.780.274	2.666.234.924
314	4. Phải trả người lao động		5.065.107.049	14.980.442.945
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	897.416.067	387.546.974
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	3.736.483.733	2.617.263.612
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	38.332.933.953	28.497.046.954
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	40.443.179.583	14.138.593.440
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	11.020.433.197	10.361.388.185
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.397.867.900	4.551.404.206
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>5.469.364.863</b>	<b>6.013.583.604</b>
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn	19	3.832.364.863	4.376.583.604
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		1.637.000.000	1.637.000.000
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>523.665.308.873</b>	<b>535.698.979.038</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>522.931.071.846</b>	<b>534.928.967.011</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		322.450.000.000	322.450.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		322.450.000.000	322.450.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		241.768.693	241.768.693
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.589.412.600)	(1.589.412.600)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		4.830.224.674	4.688.778.777
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		182.148.529.104	192.436.589.135
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		166.431.640.365	169.044.139.317
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ này		15.716.888.739	23.392.449.818
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		14.849.961.975	16.701.243.006
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>734.237.027</b>	<b>770.012.027</b>
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		734.237.027	770.012.027
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>733.779.829.103</b>	<b>658.894.305.494</b>


Lê Thanh Hải  
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Yên  
Kế toán trưởng

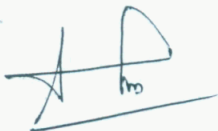
 Phạm Mạnh Hà  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I năm 2016	Quý I năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	130.383.788.463	89.226.597.440
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	318.810.990	130.123.150
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		130.064.977.473	89.096.474.290
11	4. Giá vốn hàng bán	27	112.800.428.240	77.844.983.351
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		17.264.549.233	11.251.490.939
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	830.467.221	1.098.300.147
22	7. Chi phí tài chính	29	422.628.991	168.868.628
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		212.939.341	168.868.628
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		12.101.372.913	11.164.465.379
25	9. Chi phí bán hàng	30	4.567.603.760	2.874.915.949
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	8.230.861.819	5.941.542.209
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		16.975.294.797	14.528.929.679
31	12. Thu nhập khác	32	524.436.000	293.448.000
32	13. Chi phí khác	33	503.933.628	27.397.152
40	14. Lợi nhuận khác		20.502.372	266.050.848
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		16.995.797.169	14.794.980.527
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	809.259.232	625.505.076
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	.c	(8.775.242)	2.993.649
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>16.195.313.179</u>	<u>14.166.481.802</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		15.716.888.739	13.746.307.843
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		478.424.440	420.173.959
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	490	428



Lê Thanh Hải  
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Yên  
Kế toán trưởng



Phạm Mạnh Hà  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Quý I năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

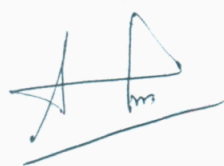
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I năm 2016	Quý I năm 2015
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>16.995.797.169</b>	<b>14.794.980.527</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.113.262.045	2.076.365.988
03	- Các khoản dự phòng		165.897.271	(1.373.162.158)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh			-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(15.450.894.200)	(12.262.765.526)
06	- Chi phí lãi vay		212.939.341	168.868.628
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>4.037.001.626</b>	<b>3.404.287.459</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(26.585.541.505)	7.712.170.823
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(58.321.680.220)	(20.074.038.803)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi		52.276.467.319	19.412.141.746
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		135.561.997	158.376.850
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	
14	- Tiền lãi vay đã trả		(209.279.704)	(253.579.400)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.222.561.504)	(1.730.465.246)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.766.264.459	1.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.249.436.863)	(706.397.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(31.373.204.395)</b>	<b>7.923.496.429</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.906.591.309)	(134.476.769)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		187.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.500.000.000)	(5.900.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		29.000.000.000	25.500.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.824.879.762	1.013.558.966
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>24.605.288.453</b>	<b>20.479.082.197</b>
	<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		34.865.909.583	4.377.600.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(8.561.323.440)	(4.365.200.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(15.427.014.100)	(6.650.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>10.877.572.043</b>	<b>5.750.000</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Quý I năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I năm 2016	Quý I năm 2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		4.109.656.101	28.408.328.626
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		35.828.981.888	18.095.793.648
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		<u>39.938.637.989</u>	<u>46.504.122.274</u>




Lê Thanh Hải  
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Yên  
Kế toán trưởng



 Phạm Mạnh Hà  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2016

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Quý I năm 2016*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 03 năm 2009 và Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2009 căn cứ vào Công văn số 7224/BCT-TC ngày 27/07/2009 của Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100456, đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 21/04/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 322.450.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến Ngày 31 tháng 03 năm 2016 là 322.450.000.000 đồng; tương đương 32.245.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, sản phẩm chủ yếu của công ty là các loại động cơ điện, máy phát điện, thiết bị điện.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thiết kế, chế tạo, sửa chữa, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị điện cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thi công, lắp đặt công trình, đường dây, trạm thủy điện và trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng máy móc;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, cho thuê văn phòng.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty tuân tự các bước từ nhập mua nguyên vật liệu, đưa vào sản xuất, nhập kho thành phẩm, tiêu thụ thành phẩm sản xuất. Thông thường, chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty không kéo dài quá 12 tháng.

#### **Cấu trúc Tập đoàn**

- **Tổng số Công ty con: 02 Công ty**
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất: 02 Công ty
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0 Công ty



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý I năm 2016

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/03/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	Thành phố Hồ Chí Minh	70,02%	70,02%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Thành phố Hà Nội	51,35%	51,35%	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề

- Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/03/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Thành phố Hà Nội	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 41.

#### **2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

#### **2.5 . Công cụ tài chính**

##### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

##### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

**2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

## 2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.11 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 15 - 45 năm |
| - Máy móc, thiết bị               | 07 - 15 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 - 12 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 06 năm |

**2.12 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.13 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.15 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.16 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.17 . Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

#### **2.18 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

#### **2.19 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

## **2.20 . Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

## **2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

## **2.22 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

## **2.23 . Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **2.24 . Các khoản thuế**

Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

## **2.25 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý I năm 2016

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	438.106.065	2.323.278.703
Tiền gửi ngân hàng	25.400.531.924	23.505.703.185
Các khoản tương đương tiền (*)	14.100.000.000	10.000.000.000
	<b>39.938.637.989</b>	<b>35.828.981.888</b>

(\*) Tại 31/03/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng có giá trị 4.000.000.000 VND được gửi tại ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội, với lãi suất từ 4,6% - 4,8%.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	58.100.000.000	58.100.000.000	71.600.000.000	71.600.000.000
	<b>58.100.000.000</b>	<b>58.100.000.000</b>	<b>71.600.000.000</b>	<b>71.600.000.000</b>

Chi tiết các khoản tiền gửi có kỳ hạn như sau:

Ngân hàng	Đơn vị	Ngày hợp đồng	Số tiền	Thời hạn	Lãi suất
NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội	VND	20/11/2015	5.100.000.000	6 tháng	5,40%
	VND	01/12/2015	10.000.000.000	6 tháng	5,40%
	VND	01/12/2015	8.000.000.000	6 tháng	5,40%
	VND	01/12/2015	7.000.000.000	6 tháng	5,40%
	VND	04/01/2016	7.000.000.000	6 tháng	5,50%
	VND	08/04/2015	7.000.000.000	1 năm	6,70%
	VND	08/10/2015	4.000.000.000	1 năm	6,70%
	VND	12/03/2016	1.500.000.000	3 tháng	4,80%
	VND	05/03/2016	500.000.000	3 tháng	4,80%
	NH TMCP Công thương VN	VND	01/12/2015	8.000.000.000	5 tháng
<b>Cộng</b>			<b>58.100.000.000</b>		

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Giá trị khoản đầu tư vào Công ty liên kết tại ngày 31/03/2016 như sau

	31/03/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND
- Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	179.842.195.109	291.767.494.760	-
	<b>179.842.195.109</b>	<b>291.767.494.760</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ  
Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý I năm 2016

Giá trị khoản đầu tư vào Công ty liên kết tại ngày 01/01/2016 như sau

	01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
- Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	179.842.195.109	279.666.121.847
	<b>179.842.195.109</b>	<b>279.666.121.847</b>

**6 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/03/2016		01/01/2016	
		VND		VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		106.787.022.588		96.041.797.084
- Công ty cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương		19.189.749.068		26.299.068.318
- Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam		20.613.896.483		11.629.809.343
- Các khách hàng khác		66.983.377.037		58.112.919.423
		<b>106.787.022.588</b>		<b>96.041.797.084</b>
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/03/2016</u>	<u>01/01/2016</u>	
		VND	VND	
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
- Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Tổng công ty	20.613.896.483	11.629.809.343	
- Công ty CP chế tạo bơm Hải Dương	Thành viên TCT	19.189.749.068	26.299.068.318	
- Viet Nam (Cambodia) Electrical Equipmen	Thành viên TCT	2.127.966.750	2.127.966.750	
		<b>41.931.612.301</b>	<b>40.056.844.411</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý I năm 2016

**7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.343.033.670	-	1.301.216.226	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	638.417.600	-	-	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	92.031.944	-	22.122.222	-
- Tạm ứng	769.323.185	-	1.020.998.185	-
- Ký cược, ký quỹ	1.718.993.862	-	176.445.909	-
- Phải thu người lao động về thuế thu nhập cá nhân	8.562.186	-	9.151.710	-
- Phải thu khác	115.704.893	-	72.498.200	-
	<b>3.343.033.670</b>	<b>-</b>	<b>1.301.216.226</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ  
Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý I năm 2016

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	75.500.660.637	-	39.447.940.314	-
Công cụ, dụng cụ	571.756.514	-	517.220.675	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.219.567.041	-	6.551.165.207	-
Thành phẩm	37.398.026.821	-	27.805.506.626	-
Hàng hoá	8.995.705.759	-	1.222.225.919	-
	<b>133.685.716.772</b>	<b>-</b>	<b>75.544.058.741</b>	<b>-</b>

**9 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
- <b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>972.579.947</b>	<b>5.649.126.932</b>
Lắp đặt hệ thống bơm dầu chân không	-	-
Dự án đầu tư sản xuất MBA Amorphous	482.002.341	5.243.205.244
Hệ thống hút bụi xưởng cơ điện	89.239.202	89.239.202
Lò sấy điện trở 90kw	-	316.682.486
Cải tạo lò sấy 30kw	241.184.165	-
Cải tạo lò sấy 50kw	160.154.239	-
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	<b>97.597.550</b>	<b>92.097.550</b>
Sửa chữa máy tiện	97.597.550	92.097.550
	<b>1.070.177.497</b>	<b>5.741.224.482</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm,  
Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý I năm 2016

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	71.652.084.608	70.608.823.778	17.797.590.273	1.579.990.676	161.638.489.335
- Mua trong kỳ	-	10.994.709.314	-	-	10.994.709.314
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	350.298.337	-	-	350.298.337
- Thanh lý, nhượng bán	-	(704.047.891)	-	-	(704.047.891)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>71.652.084.608</b>	<b>81.249.783.538</b>	<b>17.797.590.273</b>	<b>1.579.990.676</b>	<b>172.279.449.095</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	28.627.041.036	47.561.040.051	11.535.379.421	1.227.878.632	88.951.339.140
- Khấu hao trong kỳ	628.324.800	1.144.811.105	360.726.918	11.629.548	2.145.492.371
- Thanh lý, nhượng bán	-	(350.174.413)	-	-	(350.174.413)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>29.255.365.836</b>	<b>48.355.676.743</b>	<b>11.896.106.339</b>	<b>1.239.508.180</b>	<b>90.746.657.098</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	43.025.043.572	23.047.783.727	6.262.210.852	352.112.044	72.687.150.195
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>42.396.718.772</b>	<b>32.894.106.795</b>	<b>5.901.483.934</b>	<b>340.482.496</b>	<b>81.532.791.997</b>
<i>Trong đó:</i>					
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			21.723.263.846	đồng	

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình với nguyên giá là 319.481.111 đồng, khấu hao lũy kế đến ngày 31/03/2016 là 42.916.658 đồng.

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>31/03/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) <b>Ngắn hạn</b>	<b>142.303.847</b>	<b>258.741.651</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	142.303.847	258.741.651
b) <b>Dài hạn</b>	<b>3.903.055.127</b>	<b>4.010.736.392</b>
Tiền thuê đất trả trước	2.283.103.072	2.305.102.420
Công cụ dụng cụ xuất dùng	106.960.653	468.052.038
Chi phí sửa chữa tài sản	1.512.991.402	1.237.581.934
	<u><b>4.045.358.974</b></u>	<u><b>4.269.478.043</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm,  
Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý I năm 2016

**13 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2016		Trong kỳ		31/03/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	14.138.593.440	14.138.593.440	34.865.909.583	8.561.323.440	40.443.179.583	40.443.179.583
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội (1)	5.091.823.440	5.091.823.440	21.254.659.583	5.091.823.440	21.254.659.583	21.254.659.583
- Ngân hàng TNHH CTBC CN Hồ Chí Minh (2)	-	-	6.271.450.000	-	6.271.450.000	6.271.450.000
- Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (3)	1.300.000.000	1.300.000.000	1.632.000.000	200.000.000	2.732.000.000	2.732.000.000
- Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội (4)	50.000.000	50.000.000	-	50.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Sài Gòn (5)	-	-	-	-	-	-
- Cán bộ công nhân viên (6)	7.696.770.000	7.696.770.000	5.707.800.000	3.219.500.000	10.185.070.000	10.185.070.000
	<u>14.138.593.440</u>	<u>14.138.593.440</u>	<u>34.865.909.583</u>	<u>8.561.323.440</u>	<u>40.443.179.583</u>	<u>40.443.179.583</u>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0108/2015-HĐTDHM/NHCT146-HEM ngày 03/08/2015, với các điều
  - + Hạn mức cho vay: 25 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án kinh doanh;
  - + Thời hạn của khoản vay: quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ, tại thời điểm 31/03/2016 là 5,5%/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo.
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/03/2016: 21.254.659.583 đồng.
  
- (2) Thư tín dụng số STVN770-14 ngày 29/10/2014 với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Hạn mức tín dụng: 1.500.000 USD;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 01 năm, thời gian của khoản vay quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ nhưng
  - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ, tại thời điểm 31/03/2016 là 5,6%/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: vay không có tài sản đảm bảo.
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/03/2016: 6.271.450.000 đồng.
  
- (3) Hợp đồng vay vốn số 01/2015/HĐVV/TCKT ngày 18/04/2015 với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Số tiền vay: 1.300.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: không xác định thời hạn;
  - + Lãi suất cho vay: 5,5%/năm
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo.
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/03/2016: 1.100.000.000 đồng.
  
- (4) Hợp đồng vay vốn số 01/2016/HĐVV/TCKT ngày 08/01/2016 với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Số tiền vay: 960.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: không xác định thời hạn;
  - + Lãi suất cho vay: 5,5%/năm
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo.
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/01/2016: 960.000.000 đồng.



(5) Hợp đồng vay vốn số 02/2016/HĐVV/TCKT ngày 15/03/2016 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 672.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phục vụ kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: không xác định thời hạn;
- + Lãi suất cho vay: 5,5%/năm
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo.
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/03/2016: 672.000.000 đồng.

(6) Huy động vốn vay của cán bộ công nhân viên Công ty để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với lãi suất huy động phù hợp với lãi suất thị trường trong từng thời kỳ, thời hạn vay không xác định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý I năm 2016

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty TNHH Ánh Dương	18.128.936.183	18.128.936.183	8.102.646.921	8.102.646.921
- Shaanxi saame import and export Co.,LTD	25.600.250.000	25.600.250.000	1.740.727.500	1.740.727.500
- Công ty cổ phần TM XNK Trường Giang	11.596.136.365	11.596.136.365	4.747.786.912	4.747.786.912
- Công ty TNHH Ánh Dương Hòa Bình	9.117.554.223	9.117.554.223	3.763.959.375	3.763.959.375
- Phải trả các đối tượng khác	26.320.278.020	26.320.278.020	17.723.613.004	17.723.613.004
	<b>90.763.154.791</b>	<b>90.763.154.791</b>	<b>36.078.733.712</b>	<b>36.078.733.712</b>

	Mối quan hệ	31/03/2016		01/01/2016	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND
b) Phải trả người bán là các bên liên quan					
- Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam - GELEX	Tổng Công ty	882.299.000	882.299.000	1.362.619.291	1.362.619.291
- Công ty cổ phần Khí cụ điện I - VINAKIP	Thành viên TCT	15.894.120	15.894.120	-	-
		<b>898.193.120</b>	<b>898.193.120</b>	<b>1.362.619.291</b>	<b>1.362.619.291</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm,  
Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý I năm 2016

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	201.495.561	8.342.825.948	8.379.291.044	-	165.030.465
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	155.723.354	155.723.354	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.327.022.183	809.259.232	2.222.561.504	-	913.719.911
Thuế Thu nhập cá nhân	-	137.717.180	1.025.866.016	703.854.366	24.037.288	483.766.118
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	1.054.131.048	761.867.268	-	292.263.780
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	<b>2.666.234.924</b>	<b>11.390.805.598</b>	<b>12.226.297.536</b>	<b>24.037.288</b>	<b>1.854.780.274</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ  
Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý I năm 2016

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	200.667.543	197.007.906
- Trích trước chi phí vận chuyển	-	-
- Chi phí phải trả khác	696.748.524	190.539.068
	<b>897.416.067</b>	<b>387.546.974</b>

**17 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	45.535.186	37.141.226
- Bảo hiểm xã hội	506.982.747	458.811.729
- Bảo hiểm y tế	13.845.737	13.394.043
- Bảo hiểm thất nghiệp	6.153.658	5.766.905
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	700.000.000	700.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	36.774.974.600	27.092.148.300
- Các khoản thu nộp hộ học viên	-	-
- Thu tiền Đề tài nghiên cứu Bơm làm mát 150 m3	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	285.442.025	189.784.751
	<b>38.332.933.953</b>	<b>28.497.046.954</b>

**18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước	252.000.000	372.000.000
- Các khoản học phí thu của học viên	3.484.483.733	2.245.263.612
	<b>3.736.483.733</b>	<b>2.617.263.612</b>

**19 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	11.020.433.197	10.361.388.185
<b>b. Dài hạn</b>		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	3.832.364.863	4.376.583.604
	<b>14.852.798.060</b>	<b>14.737.971.789</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý I năm 2016

**20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>322.450.000.000</b>	<b>241.768.693</b>	<b>(1.589.412.600)</b>	<b>4.688.778.777</b>	<b>192.436.589.135</b>	<b>16.701.243.006</b>	<b>534.928.967.011</b>
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	-	15.716.888.739	478.424.440	16.195.313.179
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(2.800.000.000)	-	(2.800.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(22.462.559.000)	(2.051.582.400)	(24.514.141.400)
Phân phối lợi nhuận của Công t	-	-	-	141.445.897	(742.389.770)	(278.123.071)	(879.066.944)
<b>Số dư cuối kỳ nay</b>	<b>322.450.000.000</b>	<b>241.768.693</b>	<b>(1.589.412.600)</b>	<b>4.830.224.674</b>	<b>182.148.529.104</b>	<b>14.849.961.975</b>	<b>522.931.071.846</b>
	-	-	-	-	-	-	-

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 01/03/2016, Công ty mẹ công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền	
	%	VND	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,07%	2.500.000.000	
Trích Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	0,25%	300.000.000	
Chi trả cổ tức (bằng 17% vốn điều lệ) bằng tiền	45,10%	54.551.929.000	(Đã tạm ứng 10% vào năm 2015)
Chi trả cổ tức (bằng 15% vốn điều lệ) bằng cổ phiếu	37,65%	45.550.000.000	( Chưa thực hiện trong kỳ)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý I năm 2016

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/03/2016 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2016 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	65,84%	212.287.500.000	65,84%	212.287.500.000
Vốn góp của các cổ đông khác	34,16%	110.162.500.000	34,16%	110.162.500.000
- Vốn góp của cổ đông khác	33,68%	108.606.200.000	33,68%	108.606.200.000
- Cổ phiếu quỹ	0,48%	1.556.300.000	0,48%	1.556.300.000
	<b>100%</b>	<b>322.450.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>322.450.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	31/03/2016 VND	01/01/2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	322.450.000.000	322.450.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	322.450.000.000	322.450.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	322.450.000.000	322.450.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/03/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.245.000	32.245.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.245.000	32.245.000
- Cổ phiếu phổ thông	32.245.000	32.245.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.630	155.630
- Cổ phiếu phổ thông	155.630	155.630
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.089.370	32.089.370
- Cổ phiếu phổ thông	32.089.370	32.089.370
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/03/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	4.830.224.674	4.688.778.777
	<b>4.830.224.674</b>	<b>4.688.778.777</b>

**21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**a) Ngoại tệ các loại**

	31/03/2016	01/01/2016
- Đồng Đô la Mỹ	5.475,46	5.475,46
	<b>5.475,46</b>	<b>5.475,46</b>

**b) Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/03/2016 VND	01/01/2016 VND
- Nợ khó đòi đã xử lý	3.706.210.146	3.706.210.146
	<b>3.706.210.146</b>	<b>3.706.210.146</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ  
Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý I năm 2016

**24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Quý I năm 2016</u>	<u>Quý I Năm 2015</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	48.555.419.754	34.469.034.755
Doanh thu bán hàng hóa	67.636.500.300	39.323.194.655
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.191.868.409	15.434.368.030
	<u><b>130.383.788.463</b></u>	<u><b>89.226.597.440</b></u>

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Quý I năm 2016</u>	<u>Quý I Năm 2015</u>
		VND	VND
Doanh thu đối với các bên liên quan			
- Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Tổng Công ty	63.922.189.400	-
- Công ty CP Dây cáp điện Việt nam	Thành viên TCT	142.486.364	142.486.364
- Công ty CP chế tạo bơm Hải Dương	Thành viên TCT	5.190.790.641	4.594.679.591

**25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>Quý I năm 2016</u>	<u>Quý I Năm 2015</u>
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	318.810.990	130.123.150
	<u><b>318.810.990</b></u>	<u><b>130.123.150</b></u>

**26 . DOANH THU THUẬN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Quý I năm 2016</u>	<u>Quý I Năm 2015</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	48.236.608.764	34.338.911.605
Doanh thu bán hàng hóa	67.636.500.300	39.323.194.655
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.191.868.409	15.434.368.030
	<u><b>130.064.977.473</b></u>	<u><b>89.096.474.290</b></u>

**27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Quý I năm 2016</u>	<u>Quý I Năm 2015</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	39.594.962.870	27.015.965.273
Giá vốn của hàng hóa đã bán	64.546.679.685	38.751.859.290
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.658.785.685	12.077.158.788
	<u><b>112.800.428.240</b></u>	<u><b>77.844.983.351</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý I năm 2016

**28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Quý I năm 2016</u>	<u>Quý I Năm 2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	469.977.165	1.098.300.147
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	360.490.056	-
	<u><b>830.467.221</b></u>	<u><b>1.098.300.147</b></u>

**29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Quý I năm 2016</u>	<u>Quý I Năm 2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	212.939.341	168.868.628
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	209.689.650	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	-
	<u><b>422.628.991</b></u>	<u><b>168.868.628</b></u>

**30 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<u>Quý I năm 2016</u>	<u>Quý I Năm 2015</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	105.241.858	128.760.257
Chi phí nhân công	330.200.156	408.636.084
Chi phí khấu hao tài sản cố định	75.256.241	75.517.455
Chi phí dịch vụ mua ngoài	137.787.009	1.020.802.000
Chi phí khác bằng tiền	2.514.920.584	2.416.707.615
Chi phí bảo hành	1.404.197.912	(1.175.507.462)
	<u><b>4.567.603.760</b></u>	<u><b>2.874.915.949</b></u>

**31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Quý I năm 2016</u>	<u>Quý I Năm 2015</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	250.940.061	371.389.531
Chi phí nhân công	3.272.088.113	2.636.660.640
Chi phí khấu hao tài sản cố định	265.159.056	309.969.501
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.408.930.786	608.737.102
Chi phí khác bằng tiền	2.033.743.803	2.014.785.435
	<u><b>8.230.861.819</b></u>	<u><b>5.941.542.209</b></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ  
Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý I năm 2016

**32 . THU NHẬP KHÁC**

	Quý I năm 2016	Quý I Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	170.000.000	-
Tiền phạt thu được	-	-
Thu nhập khác	354.436.000	293.448.000
	<b>524.436.000</b>	<b>293.448.000</b>

**33 . CHI PHÍ KHÁC**

	Quý I năm 2016	Quý I Năm 2015
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	353.873.478	-
Các khoản bị phạt	53.977.423	27.397.152
Chi phí khác	96.082.727	-
	<b>503.933.628</b>	<b>27.397.152</b>

**34 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Quý I năm 2016	Quý I Năm 2015
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.995.797.169	14.794.980.527
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.425.000.000)	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(2.425.000.000)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	14.570.797.169	14.794.980.527
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>809.259.232</b>	<b>625.505.076</b>

**35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Quý I năm 2016	Quý I Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	15.716.888.739	13.746.307.843
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	15.716.888.739	13.746.307.843
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	32.089.370	32.089.370
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>490</b>	<b>428</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý I năm 2016

**36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Quý I năm 2016	Quý I Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	53.081.392.133	41.736.872.771
Chi phí nhân công	11.981.840.477	10.967.065.254
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.160.015.581	2.099.724.614
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.490.443.445	2.849.509.161
Chi phí khác bằng tiền	5.793.877.882	4.011.111.905
	<b>78.507.569.518</b>	<b>61.664.283.705</b>

**37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.938.637.989	-	35.828.981.888	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	110.130.056.258	(1.104.980.675)	97.343.013.310	(1.104.980.675)
Các khoản cho vay	-	-	10.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	58.100.000.000	-	71.600.000.000	-
	<b>208.168.694.247</b>	<b>(1.104.980.675)</b>	<b>214.771.995.198</b>	<b>(1.104.980.675)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	40.443.179.583	14.138.593.440
Phải trả người bán, phải trả khác	129.096.088.744	64.575.780.666
Chi phí phải trả	897.416.067	387.546.974
	<b>170.436.684.394</b>	<b>79.101.921.080</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/03/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.938.637.989	-	-	39.938.637.989
Phải thu khách hàng, phải thu khác	109.025.075.583	-	-	109.025.075.583
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	58.100.000.000	-	-	58.100.000.000
	<u>207.063.713.572</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>207.063.713.572</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ  
Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý I năm 2016

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.828.981.888	-	-	35.828.981.888
Phải thu khách hàng, phải thu khác	96.238.032.635	-	-	96.238.032.635
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	71.600.000.000	-	-	71.600.000.000
	<b>213.667.014.523</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>213.667.014.523</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/03/2016</b>				
Vay và nợ	40.443.179.583	-	-	40.443.179.583
Phải trả người bán, phải trả khác	129.096.088.744	-	-	129.096.088.744
Chi phí phải trả	897.416.067	-	-	897.416.067
	<b>170.436.684.394</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>170.436.684.394</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Vay và nợ	14.138.593.440	-	-	14.138.593.440
Phải trả người bán, phải trả khác	64.575.780.666	-	-	64.575.780.666
Chi phí phải trả	387.546.974	-	-	387.546.974
	<b>79.101.921.080</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>79.101.921.080</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý I năm 2016

**38 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

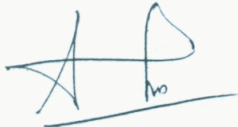
a)	<b>Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>		
	Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	34.865.909.583	4.377.600.000
b)	<b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>		
	Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	8.561.323.440	4.365.200.000

**39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các thông tin về giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Quý I năm 2016</u>	<u>Quý I năm 2015</u>
		VND	VND
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>			
Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Tổng Công ty	1.643.417.600	1.688.402.320
Công ty CP Khí cụ điện I	Thành viên TCT	27.130.400	99.752.700
Công ty CP chế tạo bơm Hải Dương	Thành viên TCT	431.400.472	1.769.473.866



Lê Thanh Hải  
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Yến  
Kế toán trưởng



Phạm Mạnh Hà  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2016